BỘ NỘI VỤ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 42 /QĐ-BNV	*Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ Hội Hỗ trợ khắc phục hậu quả bom mìn Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Hỗ trợ khắc phục hậu quả bom mìn Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Hỗ trợ khắc phục hậu quả bom mìn Việt Nam đã được Đại hội thành lập Hội thông qua ngày 12 tháng 11 năm 2014.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Hỗ trợ khắc phục hậu quả bom mìn Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Nội vụ (để b/c);
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Bộ Quốc Phòng;
- Bộ Công an;
- Lưu: VT, TCPCP, T (02).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Duy Thăng

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
HỘI HỖ TRỢ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ BOM MÌN VIỆT NAM

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 42 /QĐ-BNV ngày 23 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Hỗ trợ khắc phục hậu quả bom mìn Việt Nam.

2. Tên tiếng Anh: Vietnam Association for supporting UXO/mine action efforts.

3. Tên viết tắt tiếng Anh: VNASMA.

4. Hội Hỗ trợ khắc phục hậu quả bom mìn Việt Nam có biểu tượng riêng được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Hỗ trợ khắc phục hậu quả bom mìn Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội của các tổ chức, công dân Việt Nam tự nguyện thành lập cùng thực hiện mục tiêu hỗ trợ, khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh ở Việt Nam.

2. Mục đích hoạt động là tập hợp, đoàn kết hội viên, đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ, khắc phục hậu quả bom mìn nhằm góp phần giảm thiểu và tiến tới khắc phục ảnh hưởng của bom mìn còn sót lại sau chiến tranh ở Việt Nam; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên; góp phần đảm bảo an toàn và lợi ích hợp pháp của nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trụ sở của Hội đặt tại thành phố Hà Nội. Hội có thể đặt văn phòng đại diện ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi cả nước trong lĩnh vực hỗ trợ các hoạt động nhằm giảm thiểu và tiến tới khắc phục ảnh hưởng của bom mìn sau chiến tranh ở Việt Nam.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1.Tự nguyện, tự quản.

2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Tự đảm bảo kinh phí hoạt động.

4. Không vì mục đích lợi nhuận.

5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II
QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp các dịch vụ công thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội, kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động theo quy định của pháp luật. Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao (nếu có).

10. Thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật và báo cáo Bộ Lao động - Thương

binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng và cơ quan có liên quan về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Không lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tuyên truyền, vận động các tổ chức, công dân Việt Nam phát huy truyền thống nhân ái của dân tộc, đùm bọc, yêu thương, giúp đỡ, tạo điều kiện và động viên nhau cùng thực hiện các hoạt động hỗ trợ, khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh ở Việt Nam.

3. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm góp phần xây dựng và phát triển đất nước. Một số hoạt động cụ thể:

a) Tham gia tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến chương trình quốc gia khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh giai đoạn 2010 - 2025 ở trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp và tham gia các hoạt động về phòng tránh tai nạn bom mìn trong nhân dân, đặc biệt ở các tỉnh bị ô nhiễm nặng và xảy ra nhiều tai nạn bom mìn;

c) Phối hợp hoặc tổ chức các hoạt động trợ giúp nạn nhân bị tai nạn bom mìn theo quy định của pháp luật như: Trợ cấp cho nạn nhân; hỗ trợ điều trị vết thương, khám chữa bệnh, chỉnh hình, phục hồi chức năng, dụng cụ chỉnh hình; hỗ trợ về giáo dục, dạy nghề, tạo việc làm và hòa nhập cộng đồng; tham gia hỗ trợ tái định cư cho nhân dân vùng ô nhiễm bom mìn theo quy định của pháp luật;

d) Vận động các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trợ giúp nguồn lực cho các dự án thuộc Chương trình Hành động quốc gia khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh theo quy định của pháp luật.

4. Phổ biến, bồi dưỡng kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và các quy định, quy chế và Điều lệ Hội.

5. Đại diện cho hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

6. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

7. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

8. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu hoặc theo quy định của pháp luật.

Chương III
HỘI VIÊN, TÌNH NGUYỆN VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên chính thức: Công dân, tổ chức Việt Nam có tâm huyết, trách nhiệm, có điều kiện tham gia công tác Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội được xem xét, kết nạp làm hội viên chính thức của Hội.

2. Hội viên liên kết: Công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện hoặc không đủ tiêu chuẩn để trở thành hội viên chính thức của Hội, tán thành điều lệ Hội, tự nguyện xin gia nhập Hội, được Hội xem xét, công nhận là hội viên liên kết của Hội;

3. Hội viên danh dự: Công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện tham gia các hoạt động thường xuyên của Hội, có uy tín và có nhiều đóng góp cho Hội được Hội xem xét, công nhận là hội viên danh dự.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức; được Hội phổ biến, bồi dưỡng kiến thức về lĩnh vực khắc phục hậu quả bom mìn, đặc biệt là với hội viên trực tiếp làm công tác rà phá bom mìn.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với Hội về các vấn đề hội viên quan tâm theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

4. Được dự Đại hội toàn thể (đối với Đại hội đại biểu thì phải là hội viên đại biểu), ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được Hội khen thưởng theo quy định của Hội và quy định của pháp luật.

7. Được cấp thẻ hội viên.

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của Hội.

10. Hội viên liên kết, hội viên danh dự có quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; hoàn thành tốt nhiệm vụ được Hội phân công; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội

1. Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 8 Điều lệ này tán thành Điều lệ Hội và tự nguyện làm đơn gia nhập Hội gửi Ban Thường vụ (thông qua Văn phòng Hội), được Hội xem xét, kết nạp hội viên của Hội.

2. Hội viên của Hội khi xét thấy không đủ điều kiện tham gia Hội, làm đơn ra khỏi Hội gửi Ban Thường vụ (thông qua Văn phòng Hội), được Hội xem xét, chấp thuận.

3. Hội viên bị Hội chấm dứt tư cách hội viên khi:

a) Hội viên tổ chức bị phá sản hoặc giải thể theo quy định của pháp luật;

b) Hội viên cá nhân bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc mất quyền công dân;

c) Hội viên vi phạm quy định của Hội và quy định của pháp luật bị Hội khai trừ.

4. Ban Chấp hành quy định cụ thể tiêu chuẩn hội viên; thẩm quyền, trình tự, thủ tục kết nạp hội viên chính thức; công nhận hội viên liên kết, hội viên danh dự; chấm dứt tư cách hội viên phù hợp quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 12. Tình nguyện viên

1. Công dân Việt Nam chưa phải là hội viên của Hội tự nguyện tham gia với Hội thực hiện các hoạt động hỗ trợ, khắc phục hậu quả bom mìn còn sót lại sau chiến tranh tại Việt Nam được Hội xem xét, công nhận là tình nguyện viên.

2. Tình nguyện viên được Hội cung cấp thông tin về Hội, được mời tham gia các hoạt động theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương IV
TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 13. Cơ cấu, tổ chức của Hội

1. Đại hội.

2. Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ.

4. Ban Kiểm tra.

5. Văn phòng và các ban chuyên môn.

6. Chi hội và tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật.

7. Hội có lĩnh vực hoạt động chính về hỗ trợ, khắc phục hậu quả bom mìn còn sót lại sau chiến tranh ở Việt Nam ở các địa phương được thành lập theo quy định của pháp luật, tán thành Điều lệ Hội tự nguyện xin gia nhập Hội đều được xét kết nạp hội viên tổ chức của Hội.

Điều 14. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt. Thành phần, số lượng đại biểu dự Đại hội do Ban chấp hành Hội quy định.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung; đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Quyết định số lượng thành viên, bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Biểu dương khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong hoạt động của Hội và các nội dung khác;

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 15. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa 02 (hai) nhiệm kỳ Đại hội, do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Ủy viên Ban Chấp hành Hội đương nhiên không còn là ủy viên nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Không còn là đại diện của hội viên chính thức là tổ chức đã có văn bản cử tham gia Ban Chấp hành Hội;

b) Không tham gia họp Ban Chấp hành 02 (hai) lần liên tiếp mà không báo cáo Ban Chấp hành;

c) Hội viên bị chấm dứt tư cách theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; quy chế thành lập, giải thể các tổ chức, đơn vị thuộc Hội; quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội; quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; quy chế khen thưởng, kỷ luật; quy định về chế độ, chính sách đối với người làm việc tại Hội theo khả năng tài chính của Hội và các quy định khác trong nội bộ Hội phù hợp quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

4. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 1 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc yêu cầu của trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành.

Điều 16. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Thay mặt Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Ban hành các quy chế, quy định của Hội theo ủy quyền của Ban Chấp hành Hội và các quy chế, quy định thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ;

d) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo Quy chế của Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành thông qua, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ mỗi quý họp 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc đề nghị của trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành.

4. Ban Thường vụ cử ra Thường trực Hội gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch chuyên trách, Tổng thư ký và một số ủy viên có nhiệm vụ thường trực, giải quyết một số công việc của Ban Thường vụ. Số lượng, cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội do Ban Thường vụ quyết định phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 17. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội. Khi có sự thay đổi Trưởng ban, Phó trưởng ban, ủy viên thì Ban Kiểm tra bầu bổ sung hoặc thay thế.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội, hoạt động của các tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội theo Điều lệ Hội, các quy định của Hội và quy định của pháp luật.

3. Ban Kiểm tra hoạt động theo Quy chế do Ban Kiểm tra ban hành phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật và tuân thủ quy định của pháp luật.

Điều 18. Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội;

c) Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

d) Chủ trì các cuộc họp Ban chấp hành. Chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

đ) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

e) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

Điều 19. Phó Chủ tịch Hội

1. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và

trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền.

3. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 20. Tổng thư ký

1. Tổng thư ký do Ban Chấp hành bầu trong số uỷ viên Ban Thường vụ. Tiêu chuẩn Tổng thư ký do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Tổng thư ký là người chịu trách nhiệm điều hành công việc hàng ngày của Hội chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch Hội và có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Trực tiếp chỉ đạo hoạt động của Văn phòng và các ban chuyên môn;

b) Tổ chức xây dựng các quy chế của Hội theo sự phân công của Thường trực Hội, Chủ tịch Hội;

c) Chuẩn bị các báo cáo hoạt động định kỳ, báo cáo hàng năm và nhiệm kỳ của Hội; các báo cáo trong các kỳ họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội. Tổ chức công tác bảo đảm phục vụ các phiên họp của Hội, của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và các phiên họp khác theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội.

3. Giúp việc Tổng thư ký có các Phó Tổng thư ký. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Phó tổng thư ký do Ban Chấp hành quyết định.

Trường hợp Tổng thư ký đi vắng thì Chủ tịch Hội sẽ cử 01 (một) Phó Tổng thư ký thực hiện nhiệm vụ của Tổng thư ký theo đề nghị của Tổng thư ký. Phó Tổng thư ký thực hiện nhiệm vụ của Tổng thư ký phải chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch Hội về các quyết định của mình trong thời gian thực hiện nhiệm vụ của Tổng thư ký.

Điều 21. Văn phòng, các ban chuyên môn, chi hội và tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội

1. Văn phòng và các ban chuyên môn

a) Tùy theo nhu cầu phát triển hoạt động của Hội và trên cơ sở nghị quyết của Ban Chấp hành về cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội, Ban Thường vụ Hội quyết định thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Văn phòng, các ban chuyên môn để tham mưu, giúp lãnh đạo Hội triển khai thực hiện các hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

b) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh, Phó Văn phòng; Trưởng Ban, Phó trưởng ban chuyên môn thực hiện theo Quy chế của Hội.

2. Chi hội: Ở những tổ chức, khu vực có từ 20 (hai mươi) hội viên trở lên có thể thành lập chi hội thuộc Hội. Ban Thường vụ Hội quy định cụ thể trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức và hoạt động chi hội thuộc Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật. Chi hội do Hội thành lập không có tư cách pháp nhân, con dấu.

3. Các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội:

a) Khi cần thiết và trên cơ sở nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội quyết định việc thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội để thực hiện các nhiệm vụ của Hội;

b) Hồ sơ, điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội được thực hiện theo quy định của pháp luật;

c) Việc giải thể, sáp nhập, chia tách; quản lý và hoạt động; bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh lãnh đạo của các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội thực hiện theo quy định của pháp luật, Quy chế của Hội.

Chương V
CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ HỘI

Điều 22. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất Hội

1. Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ chia, tách; sáp nhập; hợp nhất Hội và việc giải quyết tài sản, tài chính khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất Hội thực hiện theo quy định của pháp luật về hội và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 23. Đổi tên Hội

Việc đổi tên Hội do Đại hội quyết định và thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 24. Giải thể Hội

1. Hội tự giải thể theo đề nghị của trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức của Hội.

2. Hội bị giải thể theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi Hội vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc Hội không hoạt động liên tục ít nhất 12 (mười hai tháng).

3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể Hội, việc giải quyết tài sản, tài chính khi giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI
TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 25. Tài chính, tài sản của Hội

1. Nguồn thu của Hội:

a) Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;

b) Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;

c) Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

d) Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);

đ) Các khoản thu hợp pháp khác.

2. Khoản chi của Hội:

a) Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;

b) Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc, văn phòng phẩm;

c) Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với người làm việc tại Hội theo quy định của Hội và quy định của pháp luật;

d) Chi khen thưởng và các khoản chi hợp pháp khác.

3. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội hoặc do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật hoặc được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 26. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản

1. Tài chính, tải sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VII
KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 27. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 28. Kỷ luật

1. Các tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy chế, quy định của Hội hoặc làm tổn hại đến uy tín, danh dự, tài sản, tài chính của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, xóa tên hội viên. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì ngoài hình thức kỷ luật, còn phải bồi thường hoặc chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Chỉ có Đại hội Hội Hỗ trợ khắc phục hậu quả bom mìn Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Hỗ trợ khắc phục hậu quả bom mìn Việt Nam gồm 8 (tám) Chương 30 (ba mươi) Điều đã được Đại hội thành lập Hội Hỗ trợ khắc phục hậu quả bom mìn Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Hỗ trợ khắc phục hậu quả bom mìn Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Duy Thăng